ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 3443 /QĐ-UBND	*Thanh Hóa, ngày* 01 *tháng* 11 *năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt nội dung quy hoạch cần điều chỉnh để lập điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15/6/2018; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu số ngày 29/11/2024;

Căn cứ Nghị quyết số 1686/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Thanh Hóa năm 2025;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 về quy định một số điều của Luật Quy hoạch; số 58/2023/NĐ-CP ngày 12/8/2023 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019; số 22/2025/NĐ-CP ngày 11/02/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12/8/2023;

Căn cứ Nghị quyết số 66.2/2025/NQ-CP ngày 28/8/2025 của Chính phủ quy định xử lý khó khăn, vướng mắc về việc điều chỉnh quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp trong thời gian chưa ban hành Luật Quy hoạch (sửa đổi); Nghị quyết số 306/NQ-CP ngày 05/10/2025 của Chính phủ về điều chỉnh Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 153/QĐ-TTg ngày 27/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 10121/TTr-STC ngày 05/10/2025, Tờ trình số 10547/TTr-STC ngày 14/10/2025 và Công văn số 11246/STC-THQH ngày 29/10/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung quy hoạch cần điều chỉnh để lập điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045, cụ thể như sau:

I. TÊN NỘI DUNG: Lập điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

II. PHẠM VI LẬP, THỜI KỲ ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH

1. Phạm vi lập điều chỉnh quy hoạch tỉnh Thanh Hóa bao gồm toàn bộ không gian tỉnh Thanh Hóa, với diện tích đất liền là 11.147,71 km^2, 166 xã, phường và phần không gian biển theo quy định của Luật Biển Việt Nam do Bộ Nông nghiệp và Môi trường xác định và công bố.

Ranh giới lập điều chỉnh quy hoạch:

- Phía Bắc giáp các tỉnh: Phú Thọ, Sơn La và Ninh Bình;

- Phía Nam giáp tỉnh Nghệ An;

- Phía Tây giáp tỉnh Hủa Phăn nước Cộng hòa dân chủ Nhân dân Lào;

- Phía Đông giáp Biển Đông.

Có tọa độ địa lý: 19°18' đến 20°40' vĩ độ Bắc, 104°22' đến 106°05' kinh độ Đông.

2. Thời kỳ điều chỉnh quy hoạch

- Giai đoạn điều chỉnh quy hoạch: Đến năm 2030.

- Tầm nhìn dài hạn: Đến năm 2045.

III. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NGUYÊN TẮC ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH

1. Quan điểm

- Điều chỉnh quy hoạch tỉnh Thanh Hóa phải có tầm nhìn dài hạn, tổng thể, đáp ứng các mục tiêu của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội trong kỳ quy hoạch; phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước, định hướng của quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng và các quy hoạch ngành quốc gia liên quan đến địa bàn tỉnh Thanh Hóa; xây dựng Thanh Hóa thực sự trở thành cực tăng trưởng ở khu vực Bắc Trung bộ và Nam đồng bằng Bắc bộ.

- Kế thừa những quan điểm, định hướng phát triển còn phù hợp; rà soát những nội dung cần điều chỉnh, cập nhật, bổ sung các điều kiện phát triển mới, nhất là về tổ chức không gian, hệ thống kết cấu hạ tầng, định hướng liên kết các khu vực trên cơ sở bám sát các chủ trương, chỉ đạo của trung ương, khả năng cân đối, huy động nguồn lực, nhằm đánh giá đúng thực trạng, dự báo đúng xu hướng, tạo thêm động lực, sự đột phá về phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Bảo đảm khai thác tối đa các cơ hội của việc thực hiện sắp xếp đơn vị

hành chính và tổ chức mô hình chính quyền địa phương 2 cấp; phát huy cao độ lợi thế về vị trí chiến lược, vai trò cầu nối liên kết vùng và tiềm năng khác biệt, lợi thế cạnh tranh của tỉnh; hướng đến sự phát triển hài hòa giữa kinh tế với văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển kinh tế gắn với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, giảm nghèo và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân; đảm bảo quốc phòng, an ninh.

- Huy động tối đa nội lực, kết hợp với tranh thủ tốt các nguồn lực từ bên ngoài; lấy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, kinh tế tư nhân làm động lực quan trọng; lấy giá trị văn hóa và con người làm nguồn lực nội sinh; giải quyết tốt mối quan hệ giữa phát triển nhanh với phát triển bền vững, giữa phát triển theo chiều rộng và chiều sâu, trong đó phát triển theo chiều sâu là chủ đạo.

- Đẩy mạnh liên kết nội tỉnh và liên tỉnh; kiến tạo các hành lang giao thông gắn với phát triển các hành lang kinh tế, các hành lang đô thị; phát triển toàn diện các vùng, miền, địa phương, nhất là một số địa bàn trọng điểm, mang tính chiến lược; xây dựng nông thôn mới gắn với phát triển đô thị.

2. Mục tiêu

- Xác định các quan điểm, mục tiêu phát triển, nhiệm vụ và giải pháp để đẩy mạnh việc thực hiện các khâu đột phá về phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, bảo đảm phát triển nhanh và bền vững.

- Tổ chức không gian phát triển thống nhất, hiệu quả trên cơ sở kết nối đồng bộ hệ thống hạ tầng, gắn với khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên; phát triển các ngành, các vùng trọng điểm gắn với việc huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh.

- Tạo cơ sở để lập, điều chỉnh các quy hoạch đô thị và nông thôn, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành đáp ứng yêu cầu sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp, bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất, chiến lược, lâu dài của hệ thống quy hoạch.

- Lập điều chỉnh Quy hoạch tỉnh đưa Thanh Hóa trở thành một trong những trung tâm lớn của khu vực và cả nước về công nghiệp năng lượng, công nghiệp chế biến, chế tạo, nông nghiệp quy mô lớn giá trị gia tăng cao, du lịch, dịch vụ logistics; phấn đấu đến năm 2030, Thanh Hóa trong nhóm những tỉnh dẫn đầu cả nước, đến năm 2045 trở thành tỉnh giàu đẹp, văn minh, hạnh phúc.

3. Nguyên tắc

- Bảo đảm các quy định của Luật Quy hoạch, Nghị định, các Thông tư hướng dẫn thực hiện Luật Quy hoạch.

- Bảo đảm khả thi, bền vững và dài hạn, tạo nền tảng phát triển cho các giai đoạn tiếp theo; phù hợp với yêu cầu thực tiễn phát triển của tỉnh và khả năng cân đối, huy động các nguồn lực thực hiện Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa.

- Phù hợp với bối cảnh tình hình mới và các quan điểm, chủ trương, chính

sách của Đảng và Nhà nước, nhất là các chính sách đột phá về hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ; phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số gắn với việc sắp xếp các đơn vị hành chính.

- Bảo đảm sự tham gia của cơ quan, tổ chức, cộng đồng, cá nhân; hài hòa lợi ích của quốc gia, địa phương và lợi ích của người dân trong lập, thực hiện quy hoạch theo đúng quy định của pháp luật.

IV. NỘI DUNG CỦA ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH

Lập điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 với những nội dung chính cần điều chỉnh như sau:

1. Rà soát, phân tích, đánh giá, dự báo về các yếu tố, điều kiện đặc thù của tỉnh trong bối cảnh mới.

2. Đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội, hiện trạng sử dụng đất, hiện trạng hệ thống đô thị và nông thôn trong giai đoạn 2021 - 2025.

3. Điều chỉnh đánh giá bối cảnh tác động đến phát triển của tỉnh Thanh Hóa trong giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

4. Điều chỉnh quan điểm, mục tiêu và lựa chọn phương án phát triển tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

5. Điều chỉnh phương hướng phát triển các ngành quan trọng trên địa bàn tỉnh (các trụ cột phát triển), các đột phá phát triển.

6. Điều chỉnh phương án tổ chức hoạt động kinh tế - xã hội, phương án phát triển các ngành, lĩnh vực.

7. Điều chỉnh phương án phát triển hệ thống đô thị và nông thôn.

8. Điều chỉnh phương án phát triển hệ thống các khu chức năng; phương án phát triển khu bảo tồn, khu vực cần được bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh và đối tượng đã được kiểm kê di tích; phương án phát triển các cụm công nghiệp; phương án phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung; xác định khu quân sự, an ninh; phương án phát triển những khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn, những khu vực có vai trò động lực.

9. Điều chỉnh các phương án phát triển hạ tầng kỹ thuật, bao gồm: mạng lưới giao thông; mạng lưới cấp điện; cơ sở hạ tầng viễn thông; công trình thủy lợi; hệ thống cấp nước, thoát nước; khu xử lý chất thải, nghĩa trang; hạ tầng phòng cháy, chữa cháy và hạ tầng kỹ thuật khác.

10. Điều chỉnh các phương án phát triển kết cấu hạ tầng xã hội, bao gồm: Hạ tầng thương mại, hạ tầng y tế, hạ tầng giáo dục - đào tạo, giáo dục nghề nghiệp, hạ tầng khoa học và công nghệ; hạ tầng các thiết chế văn hóa, thể thao, du lịch, hạ tầng các cơ sở trợ giúp xã hội và hạ tầng xã hội khác.

11. Điều chỉnh phương án phân bổ và khoanh vùng sử dụng đất (cập nhật theo quy định hiện hành của pháp luật).

12. Điều chỉnh phương án phát triển không gian lãnh thổ.

13. Điều chỉnh phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học.

14. Điều chỉnh phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên.

15. Điều chỉnh phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu.

16. Điều chỉnh danh mục dự kiến các dự án ưu tiên của tỉnh.

17. Điều chỉnh giải pháp và nguồn lực thực hiện quy hoạch.

18. Điều chỉnh hệ thống bản đồ, sơ đồ và cơ sở dữ liệu quy hoạch.

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

V. PHƯƠNG PHÁP ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH

Các phương pháp chính được sử dụng trong quá trình điều chỉnh quy hoạch gồm: phương pháp thống kê thu thập và xử lý thông tin, dữ liệu; phương pháp tổng hợp, tích hợp; phương pháp tiếp cận liên ngành; phương pháp so sánh đối chiếu, phân tích hệ thống thông tin địa lý, bản đồ (GIS); phương pháp dự báo, xây dựng các kịch bản phát triển; phương pháp chuyên gia, hội nghị, hội thảo...

Một số phương pháp khác của cơ quan lập quy hoạch phù hợp với quy trình kỹ thuật và tính đặc thù của tỉnh.

VI. SẢN PHẨM, CHI PHÍ, TIẾN ĐỘ ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH

1. Sản phẩm: Hồ sơ lập điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

2. Chi phí lập điều chỉnh quy hoạch: Từ nguồn ngân sách tỉnh.

3. Thời gian:

- Hoàn thành điều chỉnh quy hoạch tỉnh trong quý II năm 2026.

- Hoàn thành việc công bố; xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu, nghiệm thu trong quý II năm 2026.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Cơ quan tổ chức lập điều chỉnh quy hoạch: UBND tỉnh Thanh Hóa.

2. Cơ quan được giao lập điều chỉnh quy hoạch: Sở Tài chính.

3. Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

4. Giao Sở Tài chính:

- Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh về tính chính xác, phù hợp theo quy định của pháp luật đối với nội dung quy hoạch cần điều chỉnh để lập điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương liên quan lập điều chỉnh quy hoạch tỉnh theo các nội dung cần điều chỉnh trong quyết định này; đảm bảo tiến độ, chất lượng và tuân thủ quy định của pháp luật.

- Trên cơ sở nội dung quy hoạch tỉnh cần điều chỉnh, xây dựng dự toán chi phí điều chỉnh quy hoạch tỉnh và tổ chức thẩm định dự toán theo quy định của pháp luật, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, phê duyệt.

- Trong quá trình lập điều chỉnh quy hoạch tỉnh, chủ động phối hợp, cập nhật thông tin quy hoạch cấp cao hơn để điều chỉnh, bổ sung quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung điều chỉnh, đảm bảo phù hợp với yêu cầu thực tiễn, tính thống nhất, đồng bộ giữa các cấp quy hoạch. Sau khi Luật Quy hoạch (sửa đổi) được thông qua, chủ trì, phối hợp các với các đơn vị liên quan rà soát các quy định về nội dung, thẩm quyền, làm cơ sở trình phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tỉnh theo quy định.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Giám đốc các sở, Trưởng các ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh, Chủ tịch UBND các xã, phường, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3 Quyết định;
- Văn phòng Chính phủ, Bộ Tài chính (để b/c);
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (để b/c);
- Thường trực Đảng ủy UBND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh Văn phòng, các Phó CVP UBND tỉnh;
- Đảng ủy UBND các xã, phường;
- Các phòng, ban thuộc Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, THĐT. (824.2025)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Hoài Anh

PHỤ LỤC

Nội dung quy hoạch cần điều chỉnh để lập điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045

(Kèm theo Quyết định số 3443 */QĐ-UBND ngày* 01 *tháng* 11 *năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)*

1. Rà soát, phân tích, đánh giá, dự báo các yếu tố, điều kiện đặc thù của tỉnh trong bối cảnh mới

a) Cập nhật phạm vi ranh giới hành chính của tỉnh; bổ sung phân tích, làm rõ các giá trị về vị trí địa lý của tỉnh sau hợp nhất các tỉnh trên cả nước.

b) Cập nhật, bổ sung phân tích, đánh giá các điều kiện tự nhiên, xã hội, tài nguyên thiên nhiên, hệ sinh thái và đa dạng sinh học đến sự phát triển của tỉnh. Các nguy cơ và tác động của thiên tai, biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh.

c) Cập nhật, bổ sung phân tích, đánh giá về quy mô, cơ cấu, tốc độ tăng trưởng và chất lượng dân số, lao động của tỉnh.

d) Cập nhật, bổ sung đánh giá chung về các nguồn lực đặc thù của tỉnh.

2. Đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội, hiện trạng sử dụng đất, hiện trạng hệ thống đô thị và nông thôn trong giai đoạn 2021 - 2025

a) Cập nhật, bổ sung đánh giá hiện trạng phát triển kinh tế, các ngành kinh tế.

b) Cập nhật, bổ sung đánh giá hiện trạng phát triển các lĩnh vực xã hội.

c) Cập nhật, bổ sung đánh giá hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường.

d) Cập nhật, bổ sung đánh giá hiện trạng hệ thống đô thị, nông thôn và các khu chức năng.

đ) Cập nhật, bổ sung đánh giá hiện trạng phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng.

e) Cập nhật, bổ sung đánh giá hiện trạng liên kết nội tỉnh, liên tỉnh, liên kết với khu vực và quốc tế.

f) Cập nhật, bổ sung đánh giá tổng quát về khai thác, sử dụng các nguồn lực của vùng và các tiềm năng chưa được khai thác.

3. Điều chỉnh đánh giá bối cảnh tác động đến phát triển của tỉnh Thanh Hóa trong giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045

a) Cập nhật, bổ sung phân tích, đánh giá vị thế, vai trò của tỉnh Thanh Hóa trong vùng Bắc Trung Bộ và đối với quốc gia sau hợp nhất các tỉnh trên cả nước.

b) Cập nhật các yếu tố, điều kiện của vùng, quốc gia, quốc tế tác động đến phát triển tỉnh.

c) Cập nhật các nguy cơ và tác động của thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh.

d) Cập nhật, bổ sung các điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức.

đ) Cập nhật, bổ sung các vấn đề trọng tâm cần giải quyết.

4. Điều chỉnh quan điểm phát triển, mục tiêu và lựa chọn phương án phát triển tỉnh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

a) Cập nhật, bổ sung các kịch bản phát triển, phù hợp với mục tiêu tăng trưởng hai con số và xây dựng Thanh Hóa trở thành một trong những trung tâm lớn của khu vực và cả nước về công nghiệp năng lượng, công nghiệp chế biến, chế tạo, nông nghiệp quy mô lớn giá trị gia tăng cao, du lịch, dịch vụ logistics.

b) Điều chỉnh quan điểm, mục tiêu phát triển; đến năm 2030, Thanh Hóa trong nhóm những tỉnh dẫn đầu cả nước.

c) Điều chỉnh tầm nhìn đến năm 2045, Thanh Hóa trở thành tỉnh giàu đẹp, văn minh, hạnh phúc.

5. Điều chỉnh phương hướng phát triển các ngành quan trọng trên địa bàn tỉnh (các trụ cột phát triển), các đột phá phát triển

a) Điều chỉnh mục tiêu và phương hướng phát triển.

b) Điều chỉnh phương án tổ chức không gian phát triển các ngành quan trọng.

6. Điều chỉnh phương án tổ chức hoạt động kinh tế - xã hội, phương án phát triển các ngành, lĩnh vực

a) Điều chỉnh phương án bố trí không gian các công trình, dự án quan trọng, các vùng bảo tồn trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch cấp vùng.

b) Điều chỉnh phương án kết nối hệ thống kết cấu hạ tầng của tỉnh với hệ thống kết cấu hạ tầng quốc gia và vùng.

c) Điều chỉnh, bổ sung phương án tổ chức không gian các hoạt động kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hóa, xác định khu vực khuyến khích phát triển và khu vực hạn chế phát triển.

d) Đề xuất phương án tổ chức liên kết không gian các hoạt động kinh tế - xã hội tỉnh Thanh Hóa, cơ chế phối hợp tổ chức phát triển không gian liên quan.

đ) Lựa chọn phương án sắp xếp không gian và phân bổ nguồn lực cho các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường tỉnh Thanh Hóa.

7. Điều chỉnh phương án phát triển hệ thống đô thị và nông thôn

a) Điều chỉnh phương án quy hoạch hệ thống đô thị.

b) Điều chỉnh phương án tổ chức lãnh thổ khu vực nông thôn.

8. Điều chỉnh phương án phát triển hệ thống các khu chức năng, những khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn

Phương án phát triển hệ thống khu kinh tế, khu công nghiệp, khu công nghệ cao, khu du lịch, khu thể dục thể thao, khu nghiên cứu, đào tạo; phương án phát triển khu bảo tồn, khu vực cần được bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch

sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh và đối tượng đã được kiểm kê di tích; phương án phát triển các cụm công nghiệp; phương án phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung; xác định khu quân sự, an ninh; phương án phát triển những khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn, những khu vực có vai trò động lực.

9. Điều chỉnh các phương án phát triển hạ tầng kỹ thuật

Mạng lưới giao thông; mạng lưới cấp điện; cơ sở hạ tầng viễn thông; công trình thủy lợi; hệ thống cấp nước, thoát nước; khu xử lý chất thải, nghĩa trang; hạ tầng phòng cháy, chữa cháy và hạ tầng kỹ thuật khác.

10. Điều chỉnh các phương án phát triển kết cấu hạ tầng xã hội

Hạ tầng thương mại, hạ tầng y tế, hạ tầng giáo dục - đào tạo, giáo dục nghề nghiệp, hạ tầng khoa học và công nghệ; hạ tầng các thiết chế văn hóa, thể thao, du lịch, hạ tầng các cơ sở trợ giúp xã hội và hạ tầng xã hội khác.

11. Điều chỉnh phương án phân bổ và khoanh vùng sử dụng đất (cập nhật theo quy định hiện hành của pháp luật)

a) Điều chỉnh chỉ tiêu sử dụng đất theo từng loại đất, bao gồm chỉ tiêu sử dụng đất do quy hoạch sử dụng đất quốc gia phân bổ và chỉ tiêu sử dụng đất theo nhu cầu sử dụng đất cấp tỉnh.

b) Điều chỉnh chỉ tiêu sử dụng đất theo khu chức năng.

c) Điều chỉnh tổng hợp, cân đối nhu cầu sử dụng đất, xác định các chỉ tiêu sử dụng đất theo quy định.

d) Điều chỉnh diện tích các loại đất cần thu hồi theo quy định.

đ) Điều chỉnh diện tích các loại đất cần chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định.

e) Điều chỉnh diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong kỳ quy hoạch theo quy định.

f) Rà soát, bổ sung xác định diện tích các khu vực sử dụng đất khác theo quy định.

12. Điều chỉnh phương án phát triển không gian lãnh thổ

a) Điều chỉnh phương án quy hoạch xây dựng liên vùng (theo quy định).

b) Rà soát phương án phát triển các trung tâm kinh tế động lực.

c) Rà soát phương án phát triển các hành lang kinh tế.

13. Điều chỉnh phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học

a) Điều chỉnh phương án phân vùng môi trường bảo vệ môi trường.

b) Điều chỉnh phương án bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học.

c) Điều chỉnh định hướng các khu xử lý chất thải cấp vùng, quốc gia trên địa bàn tỉnh.

14. Điều chỉnh phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên

a) Điều chỉnh phân vùng khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên trên địa bàn tỉnh.

b) Điều chỉnh khoanh định chi tiết khu vực mỏ, loại tài nguyên khoáng sản cần đầu tư thăm dò, khai thác và tiến độ thăm dò, khai thác.

c) Điều chỉnh phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống, khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra.

15. Điều chỉnh phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu

a) Điều chỉnh phương án phòng, chống thiên tai.

b) Điều chỉnh phương án quản lý rủi ro thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh.

c) Điều chỉnh phương án ứng phó với biến đổi khí hậu.

d) Điều chỉnh phương án phòng chống lũ của các tuyến sông có đê, phương án phát triển hệ thống đê điều và kết cấu hạ tầng phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh.

đ) Điều chỉnh phương án phát triển hệ thống đê điều và kết cấu hạ tầng.

16. Điều chỉnh danh mục dự kiến các dự án ưu tiên của tỉnh

a) Điều chỉnh tiêu chí xác định dự án dự kiến ưu tiên thực hiện của tỉnh trong thời kỳ quy hoạch.

b) Điều chỉnh danh mục dự án dự kiến ưu tiên thực hiện của tỉnh.

17. Điều chỉnh giải pháp và nguồn lực thực hiện quy hoạch

a) Giải pháp về huy động vốn đầu tư.

b) Giải pháp về cơ chế, chính sách liên kết phát triển.

c) Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực.

d) Giải pháp về bảo vệ môi trường, khoa học và công nghệ.

đ) Giải pháp về quản lý, kiểm soát phát triển đô thị và nông thôn.

e) Giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch.

18. Điều chỉnh hệ thống bản đồ, sơ đồ và cơ sở dữ liệu quy hoạch